TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2024/DS-ST.
Ngày 20/8/2024
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tuấn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thế Hanh
Bà Hoàng Thị Kim Oanh
Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Quyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Thúy – Kiểm sát viên.
Trong ngày 20/8/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 353/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2024/QĐXXST-DS ngày 02/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2024/QĐST-DS ngày 02/8/2024, giữa.

- **Nguyên đơn**: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (tên viết tắt V1).

Địa chỉ: Tầng A và 2, Tòa nhà S - A đường P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V - Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thành C – Chức danh: Giámđốc thu hồi nợ trực tiếp và xử lý nợ VIB theo Giấy ủy quyền số 94287.21 ngày08/11/2021 của Tổng Giám đốc V1

Người đại diện theo ủy quyền lại:
Ông Nguyễn Ngọc Đ – cán bộ VIB – vắng mặt
Ông Nguyễn Văn T – cán bộ VIB – có mặt
Ông Nguyễn Tài T1 – cán bộ VIB – vắng mặt
Địa chỉ: Tầng D Tòa nhà C, T, quận Đ, thành phố Hà Nội.

- **Bị đơn**: Ông Tạ Hoàng T2, sinh năm 1990 –vắng mặt

Nơi thường trú: Thôn B, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V1) ông Nguyễn Văn T trình bày:

Theo hợp đồng cấp tín dụng ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (gọi tắt là V1) và anh Tạ Hoàng T2.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Q cấp tín dụng cho anh Tạ Hoàng T2 theo hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 1647286.22 ngày 18/10/2022:

+ Số tiền giải ngân: 520.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm hai mươi triệu đồng).

+ Mục đích giải ngân: Thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3;

+ Thời hạn vay: 96 tháng từ ngày 19/10/2022 đến ngày 18/10/2030;

+ Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 13.5%/năm. Lãi suất này sẽ được V1 chủ động điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định VIB tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4.1%/năm;

+ Hoàn trả khoản vay gốc: Vào ngày 25 hàng tháng; kỳ trả đầu tiên 25/10/2022, mỗi kỳ trả 5.416.667đồng, số còn lại trả vào cuối kỳ;

+ Hoàn trả lãi: Vào ngày 25 hàng tháng;

+ Trả phí: theo quy định của V1 từng thời kỳ;

+ Lãi quá hạn bằng 150 % lãi trong hạn.

V1 đã giải ngân cho anh Tạ Hoàng T2 theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1647286(1).22 ngày 18/10/2022 với số tiền 520.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với hợp đồng tín dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng anh Tạ Hoàng T2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh, cụ thể: khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 1647286.22 ngày 18/10/2022 đã quá hạn thanh toán từ ngày 25/04/2022. Kể từ ngày 25/05/2023, V1 đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc trong hạn còn lại đối vớikhoản vay nêu trên của anh Tạ Hoàng T2 sang nợ quá hạn.

Tính đến thời điểm khởi kiện ngày 20/10/2023 anh Tạ Hoàng T2 còn nợ VIB tổng số tiền là:

- Nợ gốc: 482.083.331 đồng
- Nợ lãi: 16.890.929 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 31.638.157 đồng
- Tổng cộng: 530.612.417 đồng

Tại phiên tòa hôm nay VIB yêu cầu Tòa án buộc anh Tạ Hoàng T2 thanh toán hết nợ cho V1 tính đến ngày 20/8/2024 gồm:

Hợp đồng tín dụng số 1647286.22 ngày 18/10/2022 là 629.048.044 đồng trong đó (Nợ gốc: 482.083.331 đồng; nợ lãi 16.890.929 đồng, nợ lãi quá hạn 130.073.784 đồng).

Đề nghị tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 20/8/2024 cho đến khi anh Tạ Hoàng T2 thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký.

Về tài sản bảo đảm cho khoản vay trên, V1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Tạ Hoàng T2 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai tại Bản tự khai ngày 01/3/2024 trình bày:**

Anh Tạ Hoàng T2 thừa nhận ngày 18/10/2022 có vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q tiền 520.000.000 đồng, mục đích vay để mua xe ô tô nhãn hiệu Mazda

3. Từ tháng 10/2022 đến tháng 7/2023 anh đã thanh toán cho V1 số tiền khảng 76.000.000 đồng và còn nợ VIB số tiền 496.730.243 đồng (trong đó gốc là 482.083.331 đồng; lãi là 14.566.363 đồng; nợ lãi quá hạn là 80.549 đồng).
Nay VIB yêu cầu anh Tạ Hoàng T2 trả số tiền còn nợ thì anh đồng ý trả nhưng xin được trả dần do kinh tế khó khăn.
Đối với chiếc xe ô tô thế chấp cùng giấy tờ xe thì hiện nay V1 đã thu hồi và hiện vẫn đang giữ, anh đề nghị trừ số tiền giá trị chiếc xe ô tô thế chấp, nếu còn thiếu thì anh sẽ thanh toán trả tiếp.
Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Tạ Hoàng T2 vẫn vắng mặt không có lời khai tại phiên tòa.
* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:
- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành quy định của pháp luật tố tụng dân sự.
- Về việc giải quyết vụ án:
Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.
Căn cứ khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95; Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng.
Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
Xử:
- Buộc anh Tạ Hoàng T2 trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền là 629.048.044 đồng trong đó (Nợ gốc: 482.083.331 đồng; nợ lãi trong hạn 16.890.929 đồng; nợ lãi quá hạn 130.073.784 đồng) tính đến hết ngày 20/8/2024;
Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/8/2024 cho đến khi thi hành xong bản án anh Tạ Hoàng T2 còn phải chịu các khoản nợ lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 1647286.22 ngày 18/10/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.
-Về án phí: Anh Tạ Hoàng T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q phải chịu án phí sơ thẩm.
Đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:
[1]. Về thủ tục tố tụng:
- Đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng Thương mại cổ phần Q đã nộp hoàn toàn hợp lệ, đảm bảo đầy đủ, đúng pháp luật. Bị đơn cư trú tại xã H, huyện H do vậy Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Căn cứ hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ, các tài liệu do Ngân hàng giao nộp, lời khai của các đương sự và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án Tòa án xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng dân sự là hợp đồng tín dụng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với anh Tạ Hoàng T2 đã được Tòa án thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tòa án đã thông báo cho anh Tạ Hoàng T2 về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 207, 208 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự và tống đạt hợp lệ cho anh Tạ Hoàng T2, tuy nhiên vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt anh T2.

[2]. Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu buộc anh Tạ Hoàng T2 trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền là 629.048.044 đồng trong đó (Nợ gốc: 482.083.331 đồng; nợ lãi 16.890.929 đồng, nợ lãi quá hạn 130.073.784 đồng) tính đến hết ngày 20/8/2024;

Hội đồng xét xử xét thấy: Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc lập hợp đồng được thực hiện đúng theo trình tự pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng.

Bị đơn anh Tạ Hoàng T2 vắng mặt tại phiên tòa hôm nay, tuy nhiên có lời khai đều thừa nhận việc ký kết các hợp đồng tín dụng và hiện do khó khăn về kinh tế, nên không thể thanh toán ngay cho Ngân hàng, anh Tạ Hoàng T2, anh đề nghị Ngân hàng T3 chiếc xe mô tô anh đã bàn giao cho Ngân hàng để bán thu hồi nợ theo yêu cầu khởi kiện, nếu còn thiếu anh xin trả dần.

Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 317; Điều 318; Điều 319 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95; Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

Buộc anh Tạ Hoàng T2 trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền là 629.048.044 đồng trong đó (Nợ gốc: 482.083.331 đồng; nợ lãi 16.890.929 đồng, nợ lãi quá hạn 130.073.784 đồng) tính đến hết ngày 20/8/2024;

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/8/2024) cho đến khi thi hành xong Bản án anh Tạ Hoàng T2 còn phải chịu các khoản nợ lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 1647286.22 ngày 18/10/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Về xử lý tài sản thế chấp: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[3]. Về án phí dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 146; khoản 1 Điều 147; Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Anh Tạ Hoàng T2 không thuộc đối tượng được miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng thương mại cổ phần Q được chấp nhận yêu cầu khởi kiện do vậy không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95; Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

- Buộc anh Tạ Hoàng T2 trả cho Ngân hàng Q số tiền là 629.048.044 đồng (sáu trăm hai mươi chín triệu không trăm bốn mươi tám nghìn không trăm bốn mươi bốn đồng) trong đó nợ gốc: 482.083.331 đồng (bốn trăm tám mươi hai triệu không trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi mốt đồng); nợ lãi 16.890.929 đồng (mười sáu triệu tám trăm chín mươi nghìn chín trăm hai mươi chín đồng), nợ lãi quá hạn 130.073.784 đồng (một trăm ba mươi triệu không trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm tám mươi tư đồng) tính đến hết ngày 20/8/2024;

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/8/2024 cho đến khi thi hành xong bản án anh Tạ Hoàng T2 còn phải chịu các khoản nợ lãi phát sinh theo thỏa thuận Hợp đồng tín dụng số 1647286.22 ngày 18/10/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2**. Về án phí dân sự:**

- Buộc anh Tạ Hoàng T2 phải chịu 29.161.922 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.943.000 đồng theo biên lai số 0003697 ngày 28/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt Bản án hoặc niêm yết bản án.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu

thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Tuấn